

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ II NĂM 2016

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1-2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 42
<u>Phụ lục:</u>	
Cơ cấu tổ chức tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	43 - 48
Giải trình biến động kết quả kinh doanh so với kỳ trước	49
Các chỉ số tài chính	50

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 60 được cấp ngày 18 tháng 03 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Nhật Vượng	Chủ tịch	
Ông Lê Khắc Hiệp	Phó chủ tịch	
Bà Phạm Thúy Hằng	Phó chủ tịch	
Bà Phạm Thu Hương	Phó chủ tịch	
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó chủ tịch	
Bà Vũ Tuyết Hằng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Ling Chung Yee Roy	Thành viên	
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	
Ông Marc Villiers Townsend	Thành viên	
Ông Joseph Raymond Gagnon	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Anh	Trưởng ban
Ông Đinh Ngọc Lân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vân Trinh	Thành viên

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Mai Hoa	Tổng Giám đốc
Bà Mai Hương Nội	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Tuyết Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dịu	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Dương Thị Mai Hoa.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho Quý II năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho Quý II năm 2016.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Đông Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 07 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		22.299.249.184.660	24.238.821.543.284
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	194.073.209.322	1.071.293.410.389
111	1. Tiền		194.073.209.322	571.293.410.389
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	500.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	119.573.464.000	2.142.032.490.611
121	1. Chứng khoán kinh doanh		32.369.112.000	32.369.112.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(15.795.648.000)	(14.958.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		103.000.000.000	2.124.621.378.611
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.923.689.730.311	16.585.572.752.924
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	646.060.869.219	288.691.127.787
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		435.656.145.509	132.228.960.187
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	8.463.469.334.655	12.496.760.202.648
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	3.496.751.228.894	3.769.416.074.672
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(118.247.847.966)	(101.523.612.370)
140	IV. Hàng tồn kho	9	832.614.080.966	730.548.865.044
141	1. Hàng tồn kho		832.614.080.966	730.548.865.044
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.229.298.700.061	3.709.374.024.316
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	64.979.408.930	13.394.986.624
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		70.114.686.381	35.767.944.964
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	2.923.154.643
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	8.094.204.604.750	3.657.287.938.085

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		61.664.771.709.072	54.082.083.973.729
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.532.460.540.000	11.135.844.306.667
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	9.412.270.400.000	11.135.841.666.667
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	120.190.140.000	2.640.000
220	II. Tài sản cố định		211.381.825.216	214.091.787.205
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	190.794.457.542	194.042.685.458
222	Nguyên giá		266.088.035.850	253.059.710.604
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(75.293.578.308)	(59.017.025.146)
227	2. Tài sản cố định vô hình		20.587.367.674	20.049.101.747
228	Nguyên giá		39.425.068.942	35.150.011.380
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.837.701.268)	(15.100.909.633)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	221.143.452.868	82.735.895.923
231	1. Nguyên giá		227.311.824.898	87.706.085.875
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.168.372.030)	(4.970.189.952)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	14	4.542.850.283.541	2.805.541.943.578
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.542.850.283.541	2.805.541.943.578
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		45.577.449.550.463	38.275.539.416.775
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	38.875.901.649.149	34.479.034.583.248
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.2	5.492.623.893.527	1.482.214.318.182
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3	1.309.027.500.000	2.314.290.515.345
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(100.103.492.213)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.579.486.056.984	1.568.330.623.581
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	78.200.024.024	67.515.682.870
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		1.286.032.960	814.940.711
268	3. Tài sản dài hạn khác	11	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		83.964.020.893.732	78.320.905.517.013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		43.182.524.788.174	41.069.956.307.068
310	I. Nợ ngắn hạn		19.714.910.795.619	20.129.324.462.839
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		472.873.641.382	136.288.096.579
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		461.098.173.857	28.358.671.263
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	27.256.806.252	9.352.323.347
314	4. Phải trả người lao động		-	14.600.225.361
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	869.559.791.449	764.864.295.381
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		18.214.857.336	26.643.140.910
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	7.549.873.259.015	5.047.407.477.029
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19.1	10.316.034.266.328	14.101.810.232.969
330	II. Nợ dài hạn		23.467.613.992.555	20.940.631.844.229
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19.2	23.467.613.992.555	18.558.230.083.647
339	2. Trái phiếu chuyển đổi	20	-	2.382.401.760.582
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		40.781.496.105.558	37.250.949.209.945
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	40.781.496.105.558	37.250.949.209.945
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		21.532.347.920.000	18.681.880.870.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		21.532.347.920.000	18.681.880.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		18.765.136.668.299	17.279.282.355.761
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		31.000.000.000	26.000.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		453.011.517.259	1.263.785.984.184
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		94.895.396.911	6.467.923.866
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		358.116.120.348	1.257.318.060.318
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		83.964.020.893.732	78.320.905.517.013

Ngô Thị Huyền
Người lập

Ngày 30 tháng 07 năm 2016

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II '2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II - 2016	Quý II - 2015	Năm 2016	Năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.003.020.382.455	202.685.067.055	1.275.006.512.285	395.223.183.938
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.003.020.382.455	202.685.067.055	1.275.006.512.285	395.223.183.938
11	4. Giá vốn hàng bán	23	708.622.760.975	174.026.876.203	880.354.577.920	312.309.456.509
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		294.397.621.480	28.658.190.852	394.651.934.365	82.913.727.429
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	665.832.413.795	943.243.038.484	2.840.123.099.563	3.766.661.480.309
22	7. Chi phí tài chính	24	800.223.294.501	776.227.747.959	1.672.862.202.166	1.495.685.379.641
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		819.951.602.544	703.968.937.374	1.566.717.076.756	1.270.163.457.529
25	9. Chi phí bán hàng		65.635.032.248	2.877.343.400	71.899.346.409	2.877.343.400
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		24.536.491.397	18.371.493.547	131.150.750.778	34.802.016.150
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		69.835.217.129	174.424.644.430	1.358.862.734.575	2.316.210.468.547
31	12. Thu nhập khác	25	2.876.797.409	1.224.760.447	3.974.164.699	1.875.460.037
32	13. Chi phí khác	25	1.178	433.304.244	751.975.258	497.778.964
40	14. (Lỗ)/lợi nhuận khác	25	2.876.796.231	791.456.203	3.222.189.441	1.377.681.073
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		72.712.013.360	175.216.100.633	1.362.084.924.016	2.317.588.149.620
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	34.530.638.900	35.906.319.453	35.346.013.901	35.906.319.453
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26	(272.368.227)	-	(1.286.032.960)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		38.453.742.687	139.309.781.180	1.328.024.943.075	2.281.681.830.167

Chuy

Ngô Thị Huyền
Người lập

Ngày 30 tháng 07 năm 2016



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Đường Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 '2016	Quý 2 '2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.362.084.924.016	2.317.588.149.620
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		21.404.163.836	13.967.684.285
03	Thay đổi các khoản dự phòng		117.665.375.809	(5.419.439.655)
04	Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá		216.896.700.000	235.253.487.510
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.522.622.006.053)	(3.762.908.980.309)
06	Chi phí lãi vay		1.566.717.076.756	1.270.163.457.528
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		762.146.234.364	68.644.358.979
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		(635.865.720.873)	(279.981.629.699)
10	Giảm hàng tồn kho		561.460.984.419	(9.169.279.420)
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(314.317.484.017)	(8.239.496.008)
12	Giảm chi phí trả trước		(62.268.763.460)	(42.484.542.911)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.610.518.778.590)	(1.095.443.956.688)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.952.054.267)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.311.315.582.424)	(1.366.674.545.747)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.377.877.543.356)	(2.147.434.779.056)
22	Tiền thu được từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		247.711.452	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.850.226.735.633)	(13.429.102.523.436)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		15.779.767.574.867	11.097.047.114.642
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(13.002.101.453.049)	(6.024.375.964.442)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		5.453.056.243.675	5.848.110.110.475
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.232.541.713.013	2.701.808.358.277
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(764.592.489.031)	(1.953.947.683.540)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 '2016	Quý 2 '2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		18.964.712.832.986	10.891.391.698.325
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(17.766.024.962.598)	(7.453.992.059.022)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.198.687.870.388	3.437.399.639.303
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(877.220.201.067)	116.777.410.016
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.071.293.410.389	1.314.658.214.340
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	21.891.720
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	194.073.209.322	1.431.457.516.076

Ngô Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Trưởng Giám đốc

Ngày 30 tháng 07 năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 60 được cấp ngày 18 tháng 03 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 73 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biết quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này được trình bày tại Phụ lục 1.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 15.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VNĐ.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Bất động sản để bán

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu;
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo, trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, trong đó giá trị của hàng tồn kho được xác định theo giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3,2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3,3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng.

3,4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3,5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý II năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3,6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	38 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

3,7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50 năm
------------------------	-------------

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được cấp cho Công ty nhằm mục đích phát triển các bất động sản đầu tư. Các quyền sử dụng đất có thời hạn đó được trích khấu hao trong suốt thời hạn được cấp phép.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3,8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3,9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí trả trước* (tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn trả trước và các chi phí trả trước khác mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian trên một chu kỳ kinh doanh thông thường.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 *Các khoản dự phòng*

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Trái phiếu chuyển đổi*

Các khoản trái phiếu chuyển đổi mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng. Các khoản trái phiếu chuyển đổi mà không được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định được phân loại là nợ phải trả tài chính.

3.16 *Chi phí phát hành trái phiếu*

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

3.17 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

3.19 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ bán hàng hóa

Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán/chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác định.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

► Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

► Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

► Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

► Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho niên độ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

► Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

► Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Số đầu kỳ</i>
Tiền mặt	118.633.898	157.631.730
Tiền gửi ngân hàng	193.954.575.424	571.135.778.659
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>194.073.209.322</u>	<u>1.071.293.410.389</u>

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

B09a-DN

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ			Đơn vị tính: VNĐ
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
- Cổ phiếu niêm yết DPM (i)	32.369.112.000	16.573.464.000	(15.795.648.000)	32.369.112.000	17.411.112.000	(14.958.000.000)	
TỔNG CỘNG	32.369.112.000	16.573.464.000	(15.795.648.000)	32.369.112.000	17.411.112.000	(14.958.000.000)	

(i) Cổ phiếu Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí;

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Đơn vị tính: VNĐ
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
- Tiền gửi ngân hàng (i)	103.000.000.000	103.000.000.000	239.000.000.000	239.000.000.000	
- Các khoản tiền gửi dài hạn đến hạn thu hồi	-	-	497.621.378.611	497.621.378.611	
- Chứng chỉ tiền gửi	-	-	1.388.000.000.000	1.388.000.000.000	
TỔNG CỘNG	103.000.000.000	103.000.000.000	2.124.621.378.611	2.124.621.378.611	

(i) Các khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 5.6%/năm.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý II năm 2016

6. PHẢI THU TỪ KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Ngắn hạn:		
Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	51.548.614.312	4.758.036.054
Phải thu từ cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ liên quan	9.772.843.564	16.117.468.318
Phải thu phí dịch vụ quản lý và thương hiệu từ các bên liên quan	584.739.411.343	267.815.623.415
TỔNG CỘNG	<u>646.060.869.219</u>	<u>288.691.127.787</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Ngắn hạn:		
Các khoản cho khách hàng vay đến hạn thu hồi	987.111.564.022	987.111.564.022
Các khoản cho vay các đối tác doanh nghiệp	83.077.886.534	83.077.886.534
Các khoản cho vay các bên liên quan	7.393.279.884.099	11.426.570.752.092
TỔNG CỘNG	<u>8.463.469.334.655</u>	<u>12.496.760.202.648</u>
Dài hạn:		
Khoản cho đối tác doanh nghiệp vay	55.000.000.000	55.000.000.000
Các khoản cho các bên liên quan vay	9.357.270.400.000	11.080.841.666.667
TỔNG CỘNG	<u>9.412.270.400.000</u>	<u>11.135.841.666.667</u>

8. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Ngắn hạn:		
Phải thu từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	93.448.998.244
Lãi phải thu từ cho vay và tiền gửi	1.383.025.548.060	1.415.355.192.675
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con	257.156.250.000	939.964.899.900
Phải thu lại khoản đặt cọc cho hợp đồng hợp tác đầu tư	1.035.000.000.000	1.050.000.000.000
Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn khác	550.000.000.000	-
Phải thu khác	271.569.430.834	270.646.983.853
TỔNG CỘNG	<u>3.496.751.228.894</u>	<u>3.769.416.074.672</u>
Dài hạn:		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	120.190.140.000	2.640.000
TỔNG CỘNG	<u>120.190.140.000</u>	<u>2.640.000</u>

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Số đầu kỳ</i>
Bất động sản để bán đang xây dựng	832.614.080.966	730.548.865.044
TỔNG CỘNG	832.614.080.966	730.548.865.044
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	832.614.080.966	730.548.865.044

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Số đầu kỳ</i>
Ngắn hạn:		
Chi phí bản quyền phần mềm	18.893.636.300	7.325.983.760
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	3.726.734.836	-
Chi phí bán hàng liên quan đến các căn hộ chưa bàn giao	24.608.745.049	3.920.546.757
Chi phí bảo lãnh trái phiếu trả trước	14.712.480.999	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.037.811.746	2.148.456.107
TỔNG CỘNG	64.979.408.930	13.394.986.624
Dài hạn:		
Lợi thế thương mại	17.230.901.008	34.461.802.024
Chi phí cung cấp dịch vụ quản lý văn phòng trả trước	18.214.857.336	26.621.714.568
Chi phí thuê đất trả trước	38.239.001.674	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.515.264.006	6.432.166.278
TỔNG CỘNG	78.200.024.024	67.515.682.870

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

Đây là các khoản đặt cọc cho mục đích phát triển các dự án tiềm năng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần trong các đơn vị khác. Số dư tài sản ngắn hạn và dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Số đầu kỳ</i>
Ngắn hạn:		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư	8.094.204.604.750	3.657.287.938.085
TỔNG CỘNG	8.094.204.604.750	3.657.287.938.085
Dài hạn:		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý II năm 2016

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu kỳ	45.939.641.000	538.765.574	117.572.344.476	87.702.991.373	1.305.968.181	253.059.710.604
Tăng trong kỳ	-	-	12.954.380.000	315.144.960	-	13.269.524.960
Trong đó:						
Mua mới	-	-	12.954.380.000	315.144.960	-	13.269.524.960
Giảm trong kỳ	-	-	-	(241.199.714)	-	(241.199.714)
Trong đó:						
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(241.199.714)	-	(241.199.714)
Số dư cuối kỳ	45.939.641.000	538.765.574	130.526.724.476	87.776.936.619	1.305.968.181	266.088.035.850
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu kỳ	1.318.211.336	470.252.447	27.659.492.911	29.194.145.049	374.923.403	59.017.025.146
Tăng trong kỳ	605.720.765	68.513.127	8.311.776.716	7.432.249.266	50.930.249	16.469.190.123
Trong đó:						
Khấu hao trong kỳ	605.720.765	68.513.127	8.311.776.716	7.432.249.266	50.930.249	16.469.190.123
Giảm trong kỳ	-	-	-	(192.636.961)	-	(192.636.961)
Trong đó:						
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(192.636.961)	-	(192.636.961)
Số dư cuối kỳ	1.923.932.101	538.765.574	35.971.269.627	36.433.757.354	425.853.652	75.293.578.308
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu kỳ	44.621.429.664	68.513.127	89.912.851.565	58.508.846.324	931.044.778	194.042.685.458
Số dư cuối kỳ	44.015.708.899	-	94.555.454.849	51.343.179.265	880.114.529	190.794.457.542

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý II năm 2016

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Nhà cửa</i>	
Nguyên giá:		
Số dư đầu kỳ		87.706.085.875
Tăng trong kỳ		139.605.739.023
Số dư cuối kỳ		<u>227.311.824.898</u>
Giá trị hao mòn:		
Số dư đầu kỳ		4.970.189.952
Tăng trong kỳ		1.198.182.078
Số dư cuối kỳ		<u>6.168.372.030</u>
Giá trị còn lại:		
Số dư đầu kỳ		<u>82.735.895.923</u>
Số dư cuối kỳ		<u><u>221.143.452.868</u></u>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Dự án Vinhomes Riverside 2	1.253.763.139.308	1.135.894.144.276
Dự án Vincom Xuân Khánh Cần Thơ	961.815.508.347	631.867.706.667
Dự án Vincom Thanh Hóa	197.979.146.956	12.942.906.625
Dự án Vincom Hùng Vương - Huế	111.478.143.525	71.638.460.640
Dự án Khu vui chơi giải trí, nhà ở và công viên sinh thái đảo Vũ Yên	633.511.915.353	411.639.602.203
Dự án Vincom Thái Bình	-	61.882.078.218
Dự án Hà Tĩnh	89.959.484.916	50.625.915.469
Dự án Vinhomes Dragon Bay	218.927.039.431	34.016.862.606
Dự án Vinhomes Riverside Hải Phòng	871.500.637.535	309.249.657.518
Dự án Vincom Yên Bái	37.629.478.549	46.548.869.440
Dự án Vincom Lạng Sơn	15.074.821.622	2.538.553.805
Dự án Vincom Quảng Bình	11.443.189.273	-
Dự án Vincom Tuyên Quang	6.807.884.981	310.887.500
Dự án Vinpearl Cửa Hội	38.138.300.000	1.091.490.000
Các dự án khác	94.821.593.745	35.294.808.611
TỔNG CỘNG	<u><u>4.542.850.283.541</u></u>	<u><u>2.805.541.943.578</u></u>

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Đơn vị tính: VNĐ	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc		Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con	38.875.901.649.149	38.875.901.649.149	-	34.479.034.583.248	34.479.034.583.248	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	5.492.623.893.527	5.492.623.893.527	-	1.482.214.318.182	1.482.214.318.182	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.309.027.500.000	1.208.924.007.787	(100.103.492.213)	2.314.290.515.345	2.314.290.515.345	-
TỔNG CỘNG	45.677.553.042.676	45.577.449.550.463	(100.103.492.213)	38.275.539.416.775	38.275.539.416.775	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quý II năm 2016

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư và các công ty con

Đơn vị tính: VNĐ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1 Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 1	220.000.000.000	220.000.000.000
2 Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Vinhomes	-	31.000.000.000
3 Công ty CP Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	5.792.493.038.618	5.290.741.538.618
4 Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng	2.212.943.935.291	2.212.943.935.291
5 Công ty CP Đầu tư và PT Địa ốc TP. Hoàng Gia	3.929.484.785.749	3.929.484.785.749
6 Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco	2.071.029.000.000	2.071.029.000.000
7 Công ty TNHH ĐT BĐS và PT HT ĐT Hà Thành	-	100.000.000
8 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	5.505.640.138.887	4.948.890.138.887
9 Công ty TNHH Bất động sản Tây Tăng Long	635.000.000	635.000.000
10 Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 2	-	156.100.000.000
11 Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 3	267.910.000.000	33.810.000.000
12 Công ty TNHH Kinh doanh BĐS Vinhomes 1	300.000.000.000	300.000.000.000
13 Công ty TNHH Kinh doanh BĐS Vinhomes 2	5.640.000.000	5.640.000.000
14 Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 6	-	2.100.000.000
15 Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 7	17.000.000.000	17.000.000.000
16 Công ty TNHH MTV TM Đầu tư và PT Thời Đại	1.561.000.000.000	1.561.000.000.000
17 Công ty TNHH Marketing VME	-	1.100.000.000
18 Công ty TNHH Vinpearlland	4.415.561.419.672	3.605.384.894.672
19 Công ty TNHH ĐT SX PT Nông nghiệp Vineco	1.400.490.000.000	493.600.000.000
20 Công ty TNHH MTV Vinschool	100.000.000.000	100.000.000.000
21 Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy	28.500.000.000	28.500.000.000
22 Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vincom	2.000.000.000	2.000.000.000
23 Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thương mại BFF	198.000.000.000	198.000.000.000
24 Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vinpro	-	940.000.000.000
25 Công ty TNHH TKXD&QLCQ Vinlandscape	-	1.789.720.899
26 Công ty Cổ phần Vinlinks	347.116.186.600	347.116.186.600
27 Công ty TNHH VinEcom	-	577.500.000.000
28 Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Siêu tốc	-	148.050.000.000
29 Công ty Cổ phần Vincom Retail	4.228.621.984.032	2.974.398.834.032
30 Công ty CP Đầu tư kinh doanh và Phát triển đô thị Ngôi sao Phương Nam	754.190.080.000	724.190.080.000
31 Công ty TNHH Kinh doanh TM và DV Hoa Mai	170.770.000.000	170.770.000.000
32 Công ty CP Phát triển Thể thao và Giải trí Mỹ Trí	1.810.830.790.050	1.810.830.790.050
33 Công ty CP Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam	1.395.329.678.450	1.395.329.678.450
34 Công ty CP phát triển đô thị Vinaconex - Viettel	-	180.000.000.000
35 Công ty TNHH Một Thành Viên Sách Việt Nam	475.165.611.800	-
36 Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	1.665.550.000.000	-
TỔNG CỘNG	38.875.901.649.149	34.479.034.583.248

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý II năm 2016

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Bê tông Ngoại thương	15.300.000.000	15.300.000.000	15.300.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh	663.181.818.182	663.181.818.182	663.181.818.182
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long	167.500.000.000	167.500.000.000	167.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Ngọc Viễn Đông	-	-	519.232.500.000
Công ty CP đầu tư dịch vụ TM TP. Hồ Chí Minh	4.529.642.075.345	117.000.000.000	-
Công ty Cổ phần M.Y.M	117.000.000.000	117.000.000.000	117.000.000.000
TỔNG CỘNG	5.492.623.893.527	1.482.214.318.182	1.482.214.318.182

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết và tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong các công ty liên kết này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Bê tông Ngoại thương ("Công ty Bê tông Ngoại thương")	30,00	30,00	Lầu 1, 35 - 37 Bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1,	▶ Sản xuất, bán buôn sản phẩm bê tông
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Xanh ("Công ty Thành phố Xanh")	49,10	46,75	Số 72, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. HCM	▶ Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
3	Công ty CP Đầu tư Kinh doanh BĐS Thăng Long ("Công ty BĐS Thăng Long")	35,00	35,00	Số 191 phố Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	▶ Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
4	Công ty CP đầu tư dịch vụ TM TP. Hồ Chí Minh ("Công ty TM TP. Hồ Chí Minh")	39,13	39,13	Số 72, Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. HCM	▶ Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần M.Y.M ("Công ty M.Y.M")	39,00	39,00	Số 7 Bàng Láng 1, KĐTST Vinhomes Riverside, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	▶ May trang phục

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý II năm 2016

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Số đầu kỳ</i>
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	12.400.000.000	12.400.000.000
Tổng Công ty Dệt may Việt Nam	552.395.000.000	552.395.000.000
Công ty CP đầu tư dịch vụ TM TP. Hồ Chí Minh	-	1.749.495.515.345
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Ngọc Viễn Đông	519.232.500.000	-
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Vinhomes	225.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>1.309.027.500.000</u>	<u>2.314.290.515.345</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Số đầu kỳ</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.382.599.116	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.673.114.708	9.072.164.065
Thuế và các khoản phải nộp khác	201.092.428	280.159.282
TỔNG CỘNG	<u>27.256.806.252</u>	<u>9.352.323.347</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Số đầu kỳ</i>
Lãi trái phiếu và lãi vay phải trả	728.940.988.074	721.923.032.743
Trích trước giá vốn của bất động sản đã chuyển nhượng	17.060.421.530	17.060.421.530
Trích trước chi phí xây dựng	93.689.848.104	21.113.931.895
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.494.457.470	1.494.457.470
Các khoản chi phí phải trả khác	28.374.076.271	3.272.451.743
TỔNG CỘNG	<u>869.559.791.449</u>	<u>764.864.295.381</u>

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quý II năm 2016

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Số đầu kỳ</i>
Tiền quản lý tập trung phải trả các công ty con	632.031.941.673	1.293.743.363.509
Đặt cọc để mua các khoản đầu tư	5.275.000.000.000	2.028.000.000.000
Phải trả tiền tạm ứng theo Hợp đồng tổng thầu xây dựng nguyên tắc	-	412.000.000.000
Đặt cọc từ công ty con để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư dự án bất động sản	898.014.542.712	810.514.542.712
Bảo hiểm xã hội phải nộp	4.022.736.379	4.813.179.362
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn cho mục đích bán BĐS	570.200.265.311	384.898.778.987
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	170.603.772.940	113.437.612.459
TỔNG CỘNG	<u>7.549.873.259.015</u>	<u>5.047.407.477.029</u>

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

19.1 Vay ngắn hạn

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Số đầu kỳ</i>
Vay ngắn hạn	10.316.034.266.328	14.101.810.232.969
TỔNG CỘNG	<u>10.316.034.266.328</u>	<u>14.101.810.232.969</u>

19.2 Vay dài hạn

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Số đầu kỳ</i>
Trái phiếu trong nước (i)	16.610.422.190.414	11.711.832.812.685
Trái phiếu quốc tế (ii)	4.332.649.036.650	4.343.145.914.555
Vay từ các bên liên quan	2.524.542.765.491	2.503.251.356.407
TỔNG CỘNG	<u>23.467.613.992.555</u>	<u>18.558.230.083.647</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quý II năm 2016

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

(i) Trái phiếu trong nước phát hành

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty phát hành các loại trái phiếu doanh nghiệp sau:

- ▶ Loại trái phiếu thứ nhất có giá trị ghi sổ là 4.000 tỷ VNĐ bao gồm 400.000 trái phiếu được phát hành vào ngày 11 tháng 2 năm 2014 và có kỳ hạn 5 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho hai kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VNĐ được niêm yết tại sở giao dịch/chi nhánh của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank (+) 4%. Trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản và quyền tài sản phát sinh, quyền sử dụng đất của Trung tâm thương mại Vincom Center Đồng Khởi - thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Loại trái phiếu thứ hai có giá trị ghi sổ là 3.000 tỷ VNĐ bao gồm 30.000.000 trái phiếu, được phát hành vào ngày 8 tháng 9 năm 2014 với kỳ hạn 5 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho hai kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VNĐ được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất (+) 4%. Loại trái phiếu này được đảm bảo bằng: (i) lô đất số KT-A1 và KT-A2 tại Khu du lịch và sinh thái An Viên, Nha Trang, Khánh Hòa; (ii) thửa đất số 01 tại đảo hòn tre; (iii) thửa đất tại Bãi Trũ, Vũng Me; (iv) quyền sử dụng đất, mặt nước và công trình đã và sẽ hình thành trên đất thuộc Khu Khách sạn 5 sao Vinpearl Resort & Spa và Khu Vui dự án VAP;
- ▶ Loại trái phiếu thứ ba có giá trị ghi sổ là 800 tỷ VNĐ bao gồm 8.000.000 trái phiếu, được phát hành vào ngày 18 tháng 6 năm 2015 với kỳ hạn 4 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên (từ ngày phát hành đến nhưng không bao gồm ngày 16 tháng 9 năm 2015) là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VNĐ được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất (+) 4%;
- ▶ Loại trái phiếu thứ tư có giá trị ghi sổ là 2.000 tỷ VNĐ bao gồm 20.000.000 trái phiếu, được phát hành vào ngày 2 tháng 6 năm 2015 với kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VNĐ được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất (+) 5%. Trái phiếu này được đảm bảo bằng nghĩa vụ bảo lãnh của một công ty con;
- ▶ Loại trái phiếu thứ năm có giá trị là 4.000 tỷ VNĐ bao gồm 40.000.000 trái phiếu, được phát hành thành nhiều lần từ ngày 5 tháng 11 năm 2015 với kỳ hạn 2 đến 3 năm. Lãi suất trái phiếu áp dụng cho 02 kỳ tính lãi đầu tiên của các khoản đã phát hành trong năm 2015 là từ 10.5% đến 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VNĐ được niêm yết của 4 ngân hàng tham chiếu, bao gồm Agribank, Vietinbank, BIDV và Vietcombank vào mỗi ngày xác định lãi suất (+) 5%;

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

(i) Trái phiếu trong nước phát hành (tiếp theo)

► Loại trái phiếu thứ sáu có giá trị là 1.950 tỷ VNĐ bao gồm 1.950 trái phiếu, được phát hành thành vào ngày 19 tháng 02 năm 2016 với kỳ hạn 5 năm. Lãi suất trái phiếu cố định 7,75%/năm. Trái phiếu được bảo lãnh bởi Credit Guarantee & Investment Facility, một quỹ tín thác của Ngân hàng Phát Triển Châu Á.

► Loại trái phiếu thứ bảy có giá trị là 1.050 tỷ VNĐ bao gồm 1.050 trái phiếu, được phát hành thành từ ngày 18 tháng 02 đến ngày 07 tháng 03 năm 2016 với kỳ hạn 10 năm. Lãi suất trái phiếu cố định 8,5%/năm. Trái phiếu được bảo lãnh bởi Credit Guarantee & Investment Facility, một quỹ tín thác của Ngân hàng Phát Triển Châu Á.

(ii) Trái phiếu quốc tế

► Trái phiếu quốc tế có giá trị theo mệnh giá là 200 triệu đô la Mỹ được phát hành trong tháng 11 năm 2013, với thời hạn 4,5 năm. Trái phiếu này không cần tài sản đảm bảo và có lãi suất cố định 11,625%/năm, lãi suất được trả 2 lần/năm.

20. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Trái phiếu chuyển đổi có giá trị là 300 triệu đô la Mỹ được phát hành trong tháng 4 và tháng 7 năm 2012, với thời hạn 5 năm. Trái phiếu này không được đảm bảo và có lãi suất cố định 5%/năm. Theo điều khoản của trái phiếu chuyển đổi này, các trái chủ có quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần phổ thông của Công ty theo mức giá có thể được điều chỉnh vào ngày 3 tháng 10 hàng năm, bắt đầu từ ngày 3 tháng 10 năm 2012 cho tới ngày 3 tháng 10 năm 2016. Từ ngày 22 tháng 1 tới ngày 25 tháng 2 năm 2016, các trái chủ đã chuyển đổi toàn bộ số trái phiếu này thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối sau thuế	Tổng cộng
Số đầu năm	18.681.880.870.000	17.279.282.355.761	26.000.000.000	1.263.785.984.184	37.250.949.209.945
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.328.024.943.075	1.328.024.943.075
- Chuyển đổi trái phiếu	716.667.640.000	1.485.854.312.538	-	-	2.202.521.952.538
- Trích quỹ	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
- Cổ tức được chia bằng cổ phiếu	2.133.799.410.000	-	-	(2.133.799.410.000)	-
Số cuối năm	21.532.347.920.000	18.765.136.668.299	31.000.000.000	453.011.517.259	40.781.496.105.558

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý II năm 2016**22. DOANH THU****22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đơn vị tính: VNĐ

	Quý II - 2016	Quý II - 2015
Tổng doanh thu	1.003.020.382.455	202.685.067.055
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	810.285.790.632	4.030.954.545
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan</i>	10.294.139.890	37.565.547.157
<i>Doanh thu cung cấp phí dịch vụ quản lý và thương hiệu cho các công ty con</i>	182.440.451.933	161.088.565.353
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	1.003.020.382.455	202.685.067.055
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	810.285.790.632	4.030.954.545
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan</i>	10.294.139.890	37.565.547.157
<i>Doanh thu cung cấp phí dịch vụ quản lý và thương hiệu cho các công ty con</i>	182.440.451.933	161.088.565.353

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	Quý II - 2016	Quý II - 2015
Lãi tiền gửi và cho vay	567.411.390.044	875.733.093.486
Lãi chênh lệch tỷ giá	(2.476.456.249)	3.752.500.000
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	897.480.000	5.396.462.340
Thu nhập từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư	-	58.360.982.658
Thu nhập tài chính khác	100.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	665.832.413.795	943.243.038.484

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VNĐ

	Quý II - 2016	Quý II - 2015
Giá vốn bất động sản chuyển nhượng	561.460.984.419	3.867.818.182
Chi phí cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan	8.022.848.531	32.832.227.606
Giá vốn cung cấp phí dịch vụ quản lý và thương hiệu cho các công ty con	139.138.928.025	137.326.830.415
TỔNG CỘNG	708.622.760.975	174.026.876.203

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II - 2016	Đơn vị tính: VNĐ Quý II - 2015
Chi phí lãi vay	720.721.837.697	588.809.648.289
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	130.691.430.839
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	62.695.017.938	54.620.426.608
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	13.690.940.687	(299.160.000)
Lỗi từ thanh lý các khoản đầu tư	604.393.510	1.191.328
Chi phí tài chính khác	2.511.104.669	2.404.210.895
TỔNG CỘNG	800.223.294.501	776.227.747.959

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý II - 2016	Đơn vị tính: VNĐ Quý II - 2015
Thu nhập khác	2.876.797.409	1.224.760.447
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	109.367.813
Thu nhập từ phạt hợp đồng	2.383.277.956	-
Thu nhập khác	493.519.453	1.115.392.634
Chi phí khác	1.178	433.304.244
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý TSCĐ, CCDC	-	109.367.813
Chi phí khác	1.178	323.936.431
GIÁ TRỊ THUẦN	2.876.796.231	791.456.203

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý II - 2016	Đơn vị tính: VNĐ Quý II - 2015
Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.530.638.900	35.906.319.453
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(272.368.227)	-
TỔNG CỘNG	34.258.270.673	35.906.319.453

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý II năm 2016

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

27.1. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

► Giao dịch về mua tài sản và cung cấp dịch vụ quản lý:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Mua tài sản, dịch vụ phải trả	Thanh toán mua tài sản, dịch vụ	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý, bán điện nước phải thu	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý, phí thương hiệu, điện nước đã thu	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Vincom Retail	Công ty con	(74.982.986)	77.178.986	71.499.031.523	(70.652.277.639)	
Công ty Cổ phần Vinpearl	Công ty con	-	-	-	(18.533.934.497)	
Công ty Vinpearl Phú quốc	Công ty con	(6.301.042.733)	7.568.630.827	12.563.471.686	(12.526.121.686)	
Công ty Vincommerce	Công ty con	(101.732.165.193)	50.919.885.776	7.697.759.138	(455.150.074)	
Công ty BĐS Vinhomes 2	Công ty con	(16.591.404.871)	6.959.502.720	6.608.618.814	(6.827.520.512)	
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	-	-	220.499.584.288	(65.624.988)	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	70.536.010	-	49.442.409.833	(31.023.081.222)	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	-	13.909.210.825	-	
Công ty BĐS Vinhomes 1	Công ty con	(21.844.196.193)	21.986.720.555	4.535.209.533	(32.540.693.823)	
Công ty quản lý Vinpearl	Công ty con	(3.935.050.000)	4.408.050.000	85.885.704.799	(7.584.747.506)	
Công ty Xây dựng Vincom 3	Công ty con	(178.559.811.085)	90.769.910.224	235.045.878	(236.178.028)	
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	(581.367.567.087)	489.668.440.315	467.139.860	(184.327.562)	

► Giao dịch về chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng cổ phần:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Chuyển nhượng cổ phần	Nhận thanh toán chuyển nhượng cổ phần	Nhận chuyển nhượng cổ phần	Thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	-	-	-	810.176.525.000	(810.176.525.000)

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quý II năm 2016

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

27.1. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch về góp vốn và nhận cổ tức:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Góp vốn	Cổ tức được chia	Cổ tức nhận được	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Thời Đại	Công ty con	-	300.000.000.000	(300.000.000.000)	Thu hồi tiền đặt cọc / Nhận đặt cọc
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	512.156.250.000	(255.000.000.000)	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	-	340.000.000.000	(340.000.000.000)	5.000.000.000.000
Công ty Sài Đồng	Công ty con	-	-	(939.964.899.900)	-
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	-	-	-	87.500.000.000
Công ty xây dựng Vincom 3	Công ty con	78.000.000.000	-	-	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	1.254.223.150.000	-	-	-
Công ty Vineco	Công ty con	906.400.000.000	-	-	-

► Giao dịch về vay và cho vay:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc vay	Vay	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Hạ Long	Công ty con	(118.000.000.000)	118.000.000.000	-	Thanh toán vay
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	(3.347.000.000.000)	4.997.998.900.000	-	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	(788.000.000.000)	1.038.982.065.481	-	-
Công ty Sài Đồng	Công ty con	(402.448.038.507)	874.156.105.150	1.874.435.902.775	(2.033.834.802.775)
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(200.000.000.000)	3.733.409.209.904	-	-
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	-	-	1.232.000.000.000	(3.585.340.818.626)
Công ty cổ phần Vinpearl	Công ty con	(194.744.825.963)	101.676.332.388	-	-
Công ty Vinpearl Phú quốc	Công ty con	-	-	1.660.000.000.000	(2.910.000.000.000)

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quý II năm 2016

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

27.1. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch về vay và cho vay (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc vay	Vay	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty du lịch Phú Quốc	Công ty con	(326.000.000.000)	50.000.000.000	-	Thanh toán vay
Công ty Vinpearland	Công ty con	(220.000.000.000)	172.000.000.000	-	-
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	-	-	135.000.000.000	(80.162.916.667)
Công ty Vincom Retail	Công ty con	(213.170.400.000)	1.404.941.666.667	3.170.000.000.000	-
Công ty Vinmec	Công ty con	(1.539.601.666.666)	-	-	(1.870.000.000.000)
Công ty Vincommerce	Công ty con	(1.920.000.000.000)	2.143.281.916.666	2.550.000.000.000	(2.904.000.000.000)
Công ty Retail Miền Nam	Công ty con	-	138.700.000.000	-	-
Công ty Mê Trì	Công ty con	-	-	500.000.000.000	(6.000.000.000)
Công ty Triển Lãm Việt Nam	Công ty con	-	-	900.000.000.000	(2.000.000.000)
Công ty VinDS	Công ty con	(99.000.000.000)	-	-	(315.800.000.000)
Công ty Ngôi Sao Phương Nam	Công ty con	-	-	-	(599.000.000.000)
Công ty quản lý Vinpearl	Công ty con	-	-	345.000.000.000	(180.000.000.000)
Công ty Vinschool	Công ty con	(113.000.000.000)	113.000.000.000	77.000.000.000	-
Công ty Future Property Invest	Công ty con	-	-	140.000.000.000	(53.000.000.000)

► Giao dịch thu và trả lãi vay:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi vay phải thu	Lãi vay phải trả	Lãi vay đã trả	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	20.205.650.000	-	-	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	36.943.649.534	-	-	-
Công ty Sài Đồng	Công ty con	12.954.672.934	(3.177.940.808)	16.362.114.511	(525.614.214)
Công ty Thời Đại	Công ty con	25.638.358.125	-	-	-

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quý II năm 2016

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

27.1. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch thu và trả lãi vay (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi vay phải thu	Lãi vay phải trả	Lãi vay đã trả	Lãi vay đã thu	Đơn vị tính: VNĐ
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	84.559.200.750	-	-	-	-
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	-	(43.300.372.262)	57.312.398.656	-	-
Công ty Cổ phần Vinpearl	Công ty con	28.517.447.008	-	-	(27.950.766.268)	
Công ty Vinpearl Phú quốc	Công ty con	-	(55.695.342.444)	67.183.069.212	-	-
Công ty du lịch Phú Quốc	Công ty con	31.714.861.112	-	-	(131.444.444)	
Công ty Vinpearland	Công ty con	29.796.783.854	-	-	(514.621.431)	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	519.020.160.448	(224.104.779.243)	146.961.387.357	(979.312.475.782)	
Công ty Vinmec	Công ty con	35.793.656.111	(20.827.916.667)	32.398.333.334	-	-
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	105.799.361.111	-	-	(109.123.500.003)	
Công ty Vincommerce	Công ty con	3.833.844.582	(62.917.626.898)	48.675.488.749	-	-
Công ty Ngôi sao Phương Nam	Công ty con	-	(6.167.777.778)	14.553.777.778	-	-
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	-	1.321.502.778	(26.341.722.638)	-	-
Công ty triển lãm Việt Nam	Công ty con	-	-	-	-	-
Công ty Mễ Trì	Công ty con	-	(18.586.555.555)	-	-	-
Công ty Future Property Invest	Công ty con	-	(21.061.944.443)	-	-	-

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Quý II năm 2016

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

27.2. Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan

► Phải thu khách hàng:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Phí quản lý phải thu	18.419.328.611
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Phí quản lý phải thu	213.524.471.613
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Phí quản lý phải thu	220.433.959.300
Công ty quản lý Vinperal	Công ty con	Phí quản lý phải thu	78.507.642.538
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Phí quản lý phải thu	33.197.922.125

► Phải thu ngắn hạn khác:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Lãi vay phải thu	103.278.367.415
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Lãi vay phải thu	38.110.316.204
	Công ty con	Cổ tức phải thu	257.156.250.000
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Lãi vay phải thu	31.680.069.885
Công ty Thời Đại	Công ty con	Lãi vay phải thu	68.161.057.557
Công ty Vinpearlland	Công ty con	Lãi vay phải thu	121.244.608.075
Công ty Vinmec	Công ty con	Lãi vay phải thu	36.160.479.575
Công ty BFF	Công ty con	Lãi vay phải thu	24.073.144.236
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	Lãi vay phải thu	57.831.916.668
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	Lãi vay phải thu	56.419.988.889
Công ty du lịch Phú Quốc	Công ty con	Lãi vay phải thu	37.117.888.889
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Lãi vay phải thu	93.205.009.970
Công ty VCR Miền Bắc	Công ty con	Lãi vay phải thu	27.155.555.555
Công ty cổ phần Vinpearl	Công ty con	Lãi vay phải thu	14.154.674.183

► Chi phí phải trả ngắn hạn:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Số tiền</i>
Công ty xây dựng Vincom 1	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	156.977.180.791
Công ty xây dựng Vincom 3	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	93.063.097.797
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	14.771.056.803
Công ty Vincommerce	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	61.163.793.524
	Công ty con	Lãi vay phải trả	23.971.165.927
Công ty Xalivico	Công ty con	Lãi vay phải trả	12.452.222.222
Công ty Mễ Trì	Công ty con	Lãi vay phải trả	18.609.888.888
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	Lãi vay phải trả	11.756.907.333
Công ty FPI	Công ty con	Lãi vay phải trả	22.814.999.999
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Lãi vay phải trả	202.072.524.907
Công ty VCR Miền Nam	Công ty con	Lãi vay phải trả	26.341.722.638
Công ty triển lãm Việt Nam	Công ty con	Lãi vay phải trả	67.523.190.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý II năm 2016

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư

STT	Bên nhận đầu tư	Vốn góp của bên nhận đầu tư	Cam kết vốn góp của công ty		Số vốn thực góp	Số vốn chưa góp
		VNĐ	Số tiền VNĐ	%	Số tiền VNĐ	Số tiền VNĐ
1	Công ty Tây Tăng Long	300.000.000.000	30.000.000.000	10%	635.000.000	29.365.000.000
2	Công ty bảo vệ Vincom	50.000.000.000	50.000.000.000	100%	2.000.000.000	48.000.000.000
3	Công ty xây dựng Vincom 3	400.000.000.000	376.000.000.000	94%	267.910.000.000	108.090.000.000
4	Công ty Vinhomes 2	100.000.000.000	94.000.000.000	94%	5.640.000.000	88.360.000.000
5	Công ty XD Vincom 7	50.000.000.000	47.000.000.000	94%	17.000.000.000	30.000.000.000
6	Công ty VinAcademy	50.000.000.000	47.000.000.000	94%	28.500.000.000	18.500.000.000
		950.000.000.000	644.000.000.000		321.685.000.000	322.315.000.000

Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng

Công ty đã ký kết một số hợp đồng liên quan đến việc triển khai các dự án bất động sản của Công ty. Tổng số vốn cam kết theo những hợp đồng này tại 30 tháng 06 năm 2016 ước tính là 4.214 tỷ VNĐ.

Theo Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015, UBND Thành phố Hà Nội đã phê duyệt điều chỉnh bổ sung phân kỳ đầu tư của dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở theo hình thức hợp đồng BT. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, giá trị đầu tư ước tính giai đoạn 1 của dự án còn phải thực hiện là 2.591 tỷ VNĐ.

Các cam kết khác

Cam kết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu vực đảo Vũ Yên

Theo Công văn số 3070/UBND-ĐC2 về việc ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu vực đảo Vũ Yên tại quận Hải An và huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng để phát triển Dự án Khu vui chơi giải trí, nhà ở, công viên sinh thái, Tập đoàn cam kết bồi thường và hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án tổng số tiền là 351,8 tỷ VNĐ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, khoản cam kết còn lại phải trả là 72,4 tỷ VNĐ.

Cam kết nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty con hiện hữu từ một cá nhân

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 28 tháng 9 năm 2015 giữa Công ty và một cổ đông của Công ty con hiện hữu, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 26.379.686 cổ phần, tương đương với 31,72% vốn điều lệ của Công ty con hiện hữu. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 852,7 tỷ VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý II năm 2016

28. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Triển lãm Việt Nam

Theo hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược ký giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty cam kết huy động 100% vốn để thực hiện dự án Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc Gia theo đúng quy hoạch đã phê duyệt. Chậm nhất 3 năm kể từ khi Công ty Triển lãm Việt Nam nhận được mặt bằng, giai đoạn 1 của Khu Hội chợ Triển lãm Quốc Gia phải được hoàn thành trừ trường hợp chậm trễ phát sinh do nguyên nhân khách quan.

Cam kết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị Vinhomes Riverside Hải Phòng

Theo Quyết định số 2294/QĐ-UBND của UBND quận Hồng Bàng ngày 17 tháng 11 năm 2015, Công ty có nghĩa vụ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện đầu tư xây dựng Dự án Khu đô thị Vinhomes Riverside Hải Phòng với tổng số tiền là 728,3 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số tiền đền bù còn lại theo cam kết là 128,3 tỷ VND.

Cam kết nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty liên kết từ các cá nhân

Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty và các đối tác cá nhân, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 40% cổ phần của một công ty liên kết. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 1.320 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã chuyển số tiền đặt cọc cho các cá nhân này là 400 tỷ VND.

Cam kết nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của một khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn

Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần ký ngày 25 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty và các đối tác cá nhân, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 245.258.503 cổ phần, tương đương với 81,75% cổ phần của một công ty hiện đang là một khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 7.357 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã chuyển số tiền đặt cọc cho các cá nhân này là 6.000 tỷ VND.

29. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Số liệu so sánh là số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.



Ngô Thị Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 07 năm 2016

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
1	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100,00%	99,03%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam	100,00%	99,03%	72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Q1, TPHCM	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
3	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Bắc	100,00%	99,03%	Số 72A, Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
4	Công ty TNHH Riverview Complex Đà Nẵng	100,00%	99,03%	Đường Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Suối Hoa	88,00%	87,14%	Km1 + 200, Đường Trần Hưng Đạo, P. Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
6	Công ty TNHH trung tâm Văn hóa thể thao giải trí Hà Nội	100,00%	99,03%	Số 2, Phạm Ngọc Thạch, phường Trung Tự, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
7	Công ty cổ phần đầu tư An Phong	100,00%	99,03%	3 Đường 3/2, phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
8	Công ty TNHH NEWCOSC	100,00%	99,03%	Số 72 Lê Thánh Tôn - Phường Bến Nghé - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
9	Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư và Phát triển Thời Đại	100,00%	100,00%	72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Q1, TPHCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
10	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 1	100,00%	100,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
11	Công ty TNHH Kinh doanh Bất Động Sản Vinhomes 2	100,00%	99,93%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
12	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Thành phố Hoàng Gia	97,85%	97,85%	Số 72A, Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
13	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	98,90%	98,90%	Số 458 Phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng	94,00%	94,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
15	Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco	96,44%	96,42%	Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
16	Công ty TNHH Hợp tác Kinh doanh và Phát triển ISADO	70,00%	65,80%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
17	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	80,00%	79,68%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
18	Công ty TNHH Xalivico	74,00%	71,35%	233 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
19	Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam	83,32%	83,32%	148 Đường Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
20	Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và phát triển đô thị Ngôi Sao Phương Nam	95,00%	94,99%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
21	Công ty TNHH kinh doanh thương mại dịch vụ Hoa Mai	74,00%	74,00%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
22	Công ty cổ phần Phát triển thể thao và giải trí M3 Tri	67,17%	67,17%	Số 7 Đại Lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
23	Công ty TNHH Metropolis Hà Nội	100,00%	97,85%	Lô đất HH, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
24	Công ty Cổ phần sách Việt Nam	65,33%	65,33%	Số 44 phố Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản sách
25	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thành phố Hoàng Gia	100,00%	100,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TÓ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
26	Công ty cổ phần Đồng Phú Hưng - Bình Thuận	99,00%	97,70%	Quốc lộ 55, thôn Thảng Hải, xã Thảng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
27	Công ty Cổ phần Vinpearl	100,00%	90,46%	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
28	Công ty TNHH Quản lý Vinpearl	100,00%	90,46%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, môi giới, đấu giá bất động sản, quảng bá tour du lịch, dịch vụ lưu trú ngắn ngày
29	Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	100,00%	90,46%	Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
30	Công ty TNHH MTV Vinpearl Đà Nẵng	100,00%	90,46%	Đường Trường Sa, Phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
31	Công ty TNHH MTV Vinpearl Hội An	100,00%	90,46%	Khố Phước Hải, phường Cửa Đại, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
32	Công ty Cổ phần Vinpearl Quy Nhơn	98,00%	88,66%	Khu Du lịch Vinpearl Quy Nhơn, Khu Kinh tế Nhơn Hội, thôn Hải Giang, Xã Nhơn Hải, Quy Nhơn, Bình Định	Cung cấp dịch vụ du lịch sinh thái và các loại hình du lịch khác
33	Công ty TNHH Future Property Invest	100,00%	90,46%	Đường Trường Sa, Phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
34	Công ty TNHH Bất động sản Tây Tăng Long	59,00%	54,33%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
35	Công ty TNHH Khách sạn và Du lịch Tây Hồ View	70,00%	63,33%	58 đường Tây Hồ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
36	Công ty TNHH Vinpearl Bãi Dài	90,00%	81,42%	17A Bạch Đằng, Phường Phước Tiến, Nha Trang, Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
37	Công ty TNHH Đầu tư Cam Ranh	90,00%	81,42%	16 Mạc Đĩnh Chi, Phường Phước Tiến, Nha Trang, Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
38	Công ty Cổ phần Du lịch Hòn Một	83,63%	75,66%	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
39	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hòn Tre	90,00%	81,42%	Số 42/2 Đồng Nai, Phường Phước Hải, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	55,00%	49,76%	Khu Bãi Dài, Xã Gành Dầu, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày
41	Công ty TNHH MTV Vinpearl Phú Quốc	100,00%	49,76%	Khu Bãi Dài, Xã Gành Dầu, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
42	Công ty TNHH Vinpearl Hạ Long	100,00%	90,46%	Đảo Rều, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
43	Công ty TNHH Vinpearland	100,00%	100,00%	Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
44	Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thương mại BFF	86,96%	86,94%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
45	Công ty Cổ phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Vincommerce	55,11%	48,81%	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.HCM	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
46	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinDS	70,00%	69,23%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Bán lẻ tại các trung tâm thương mại hoặc cửa hàng tiện ích
47	Công ty Cổ phần Vinlinks	79,96%	79,96%	Tầng 5, toà nhà 3D, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan
48	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 1	100,00%	100,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng
49	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 3	100,00%	99,93%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật dân dụng
50	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 7	100,00%	99,93%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
51	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	100,00%	98,90%	Số 458, Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ bệnh viện

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠO NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
52	Công ty TNHH MTV Vinschool	100,00%	100,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giáo dục
53	Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy	100,00%	99,93%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giáo dục
54	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vincom	100,00%	100,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
55	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Vineco	70,00%	70,00%	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
56	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Vineco-Tam Đảo	89,02%	62,32%	Thôn Cơ Quan, TT Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
57	Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Nai – VinEco	77,50%	54,25%	Km13, Quốc Lộ 51, ấp Long Khánh 3, Xã Tam Phước, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
58	Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành	49,90%	39,76%	Đường ĐT747, Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
59	Công ty CP Chế biến gỗ Trường Thành	100,00%	39,76%	KP 7, Phường Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
60	Công ty CP Ván công nghiệp Trường Thành	100,00%	39,76%	Đường ĐT747, Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
61	Công ty CP Trường Thành Xanh	99,99%	39,76%	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
62	Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	99,97%	39,75%	Số A69 Khu dân cư Hiệp Phúc, đường Ngô Gia Tự, phường Tân Lợi, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2016

PHỤ LỤC 1 – CƠ CẤU TỔ CHỨC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
63	Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	97,50%	38,77%	Đào Trinh Nhất, Khu Phố 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
64	Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đắk Nông	94,75%	37,67%	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
65	Công ty CP Chế biến gỗ Trường Thành (Đắklak2)	70,00%	27,83%	Thôn 05, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐắkLak	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
66	Công ty CP Trường Thành	70,00%	27,83%	Kim 86, Quốc Lộ 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐắkLak	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
67	Công ty CP Trồng rừng Trường Thành	79,89%	31,76%	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắklăk	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
68	Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông	99,44%	39,54%	Quốc lộ 14, tổ dân phố 4, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đak Nông	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
69	Công ty CP Chế biến gỗ Trường Thành M'DRĂK	90,25%	35,88%	Cụm công nghiệp M'DẮk, Xã Krông Jing, Huyện M'DRẮk, Tỉnh Đắk Lắk	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
70	Công ty CP Nông – Lâm – Công Nghiệp Trường An	85,37%	33,93%	xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Đaklăk	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
71	Công ty CP Công nghiệp gỗ Trường Thành (Phú Yên)	68,52%	27,24%	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
72	Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Thành - Phước An	51,55%	14,35%	107 Lê Duẩn, khối 4, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
73	Công ty Cổ phần Hợp Nhất Thương Mại (đang làm thủ tục giải thể)	99,80%	79,80%	Tầng 5, toà nhà 3D, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 2 – GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH SO VỚI KỲ TRƯỚC

<Theo thông tư 155/2015/TT-BTC, ngày 6/10/2015>

PL	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VNĐ			
		Quý II năm 2016	Quý II năm 2015	Chênh lệch	
		2016	2015	%	
01	Tổng doanh thu	1.003.020.382.455	202.685.067.055	800.335.315.400	394,87%
02	Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần	1.003.020.382.455	202.685.067.055	800.335.315.400	394,87%
11	Giá vốn hàng bán	708.622.760.975	174.026.876.203	534.595.884.772	307,19%
20	Lợi nhuận gộp	294.397.621.480	28.658.190.852	265.739.430.628	927,27%
21	Doanh thu tài chính	665.832.413.795	943.243.038.484	(277.410.624.689)	-29,41%
22	Chi phí tài chính	800.223.294.501	776.227.747.959	23.995.546.542	3,09%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	819.951.602.544	703.968.937.374	115.982.665.170	16,48%
25	Chi phí bán hàng	65.635.032.248	2.877.343.400	62.757.688.848	2181,10%
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.536.491.397	18.371.493.547	6.164.997.850	33,56%
30	Lợi nhuận thuần	69.835.217.129	174.424.644.430	(104.589.427.301)	-59,96%
31	Thu nhập khác	2.876.797.409	1.224.760.447	1.652.036.962	134,89%
32	Chi phí khác	1.178	433.304.244	(433.303.066)	-100,00%
40	Lợi nhuận khác	2.876.796.231	791.456.203	2.085.340.028	263,48%
50	Lợi nhuận trước thuế	72.712.013.360	175.216.100.633	(102.504.087.273)	-58,50%
51	CP thuế TNDN hiện hành	34.530.638.900	-	34.530.638.900	-
52	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	(272.368.227)	-	(272.368.227)	-
60	Lợi nhuận sau thuế	38.453.742.687	175.216.100.633	(136.762.357.946)	-78,05%
					1.275.006.512.285
					1.275.006.512.285
					880.354.577.920
					394.651.934.365
					2.840.123.099.563
					1.672.862.202.166
					1.566.717.076.756
					71.899.346.409
					131.150.750.778
					1.358.862.734.575
					3.974.164.699
					751.975.258
					3.222.189.441
					1.362.084.924.016
					35.346.013.901
					(1.286.032.960)
					1.328.024.943.075

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên

- Quý 2/2016 Công ty ghi nhận doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản dẫn đến doanh thu tăng 395% so với cùng kỳ; giá vốn tăng tương ứng.
- Doanh thu tài chính giảm so với cùng kỳ chủ yếu do giảm thu nhập từ lãi tiền gửi và cho vay.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng do Công ty triển khai các hoạt động liên quan tới bán hàng và quản lý các dự án bất động sản.
- Thu nhập từ vi phạm hợp đồng là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thu nhập khác tăng so cùng kỳ.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 3: CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
Cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	73,4%	69,1%
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	26,6%	30,9%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	51,4%	52,4%
Nợ vay / Tổng nguồn vốn (*)	%	40,2%	44,7%
Nợ thuần / Tổng nguồn vốn (*)	%	18,6%	10,5%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	48,6%	47,6%
Lợi ích của cổ đông thiểu số / Tổng nguồn vốn	%		
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,09	1,17
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,13	1,20
Tỷ suất lợi nhuận			
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	1,58%	3,40%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	104,2%	577,3%
Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	3,3%	6,4%

(*) Nợ vay là toàn bộ nợ vay ngân hàng và dài hạn của các ngân hàng và tổ chức, nợ thuần = nợ vay - tiền và tương đương tiền - đầu tư nắm giữ đến ngày báo cáo hạn- cho vay

Ngày 30 tháng 07 năm 2016

